

Số *2276* /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày *31* tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện
Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Xây dựng năm 2014, Luật Quy hoạch năm 2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về quy định chi tiết một số nội dung quy hoạch xây dựng; Số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị; Số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật quy hoạch;

Căn cứ các Văn bản của Bộ Xây dựng: Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 về việc quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù; Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020;

Theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: số 364/QĐ-UBND ngày 25/3/2011 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Số 1436/QĐ-UBND ngày 22/9/2016 phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Số 1812/QĐ-UBND ngày 10/10/2018 về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân huyện Lý Nhân khoá XIX- kỳ họp thứ 7 về thông qua đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Văn bản số 2071/SXD-QHKT ngày 30/10/2019).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Sở Xây dựng Hà Nam.

3. Đơn vị tư vấn lập Quy hoạch: Viện nghiên cứu thiết kế đô thị (UDI)- Viện quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP).

4. Phạm vi, ranh giới, quy mô, thời hạn lập quy hoạch:

4.1. Vị trí, phạm vi ranh giới:

Toàn bộ ranh giới hành chính huyện Bình Lục, với 23 đơn vị hành chính trực thuộc (*thị trấn Vĩnh Trụ và các xã: Bắc Lý, Chân Lý, Chính Lý, Công Lý, Đạo Lý, Công Lý, Đồng Lý, Đức Lý, Hòa Hậu, Hợp Lý, Nguyễn Lý, Nhân Bình, Nhân Chính, Nhân Đạo, Nhân Mỹ, Nhân Hưng, Nhân Khang, Nhân Nghĩa, Nhân Thịnh, Phú Phúc, Tiến Thắng, Văn Lý, Xuân Khê*). Có ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp sông Hồng, sông Châu và huyện Duy Tiên;
- Phía Nam giáp huyện Bình Lục và Mỹ Lộc tỉnh Nam Định.
- Phía Đông giáp sông Hồng và các tỉnh Thái Bình, Hưng Yên;
- Phía Tây giáp sông Châu và huyện Bình Lục, huyện Duy Tiên;

4.2. Quy mô, thời hạn lập quy hoạch:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch trên địa bàn toàn huyện: khoảng 16.884,3 ha
- Quy mô dân số: Dân số hiện trạng 177.895 người; Dân số dự báo đến năm 2025: khoảng 185.300 người; Dân số dự báo đến năm 2035: khoảng 193.000 người.
- Tỷ lệ đô thị hóa: đến năm 2025 khoảng 35,6%; đến năm 2035 khoảng 47%.
- Cơ cấu kinh tế:
 - + Dự báo năm 2025: Nông nghiệp: 20%; Công nghiệp-XD: 45%; Dịch vụ: 35%.
 - + Dự báo năm 2035: Nông nghiệp: 13%; Công nghiệp-XD: 50%; Dịch vụ 37%.
- Giai đoạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025; Giai đoạn dài hạn đến năm 2035; Tầm nhìn định hướng đến năm 2050.

5. Tính chất khu vực lập quy hoạch.

- Là Huyện trọng điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn của tỉnh. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực Đô thị-Thương mại- dịch vụ và xây dựng nông thôn mới theo hướng bản sắc bền vững.

- Là huyện đạt chuẩn nông thôn mới, đóng vai trò cực phát triển, đầu mối giao thông phía Đông của tỉnh.

6. Mục tiêu phát triển.

6.1. Mục tiêu chung:

- Cụ thể hóa quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Khai thác có hiệu quả mối quan hệ vùng, các thế mạnh về nông nghiệp – công nghiệp làng nghề và đẩy mạnh phát triển công nghiệp nhằm hình thành trung tâm công nghiệp đa ngành mới của tỉnh trong giai đoạn tới; đảm bảo phát triển hài hòa và bền vững giữa đô thị và nông thôn.

- Nghiên cứu đề xuất quy hoạch tổ chức không gian đô thị, phát triển dân cư dọc trục đường Vành đai 5- ĐT.499, ĐT.495B; xây dựng mô hình phát triển không gian vùng huyện; phân cấp hệ thống đô thị, xác định tính chất đô thị và lựa chọn mô hình phát triển. Đề xuất phân bố không gian xây dựng các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ và hệ thống hạ tầng xã hội và các điểm dân cư nông thôn.... Trong đó, xác định vùng động lực phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế theo hướng cân bằng và bền vững.

- Tạo lập cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng và phát triển đô thị, nông thôn trong huyện, xây dựng các chương trình kế hoạch và đề xuất các chính sách phát triển, các dự án đầu tư, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

6.2. Mục tiêu cụ thể:

Tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội; xây dựng huyện Lý Nhân thành huyện nông thôn mới, đóng vai trò là cực phát triển phía Đông của tỉnh. Tập trung đẩy mạnh phát triển với các lĩnh vực chủ yếu như sau:

- Về công nghiệp - đô thị - dịch vụ: lấy việc phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ làm mục tiêu và động lực phát triển của huyện Lý Nhân trong thời gian tới, cụ thể:

+ Về công nghiệp: Là trung tâm công nghiệp đa ngành mới của tỉnh giai đoạn sau 2025, hình thành các KCN dọc đường Vành đai 5- ĐT.499 và đường ĐT.495B; thu hút đầu tư phát triển các ngành nghề mới hỗ trợ ngành sản xuất, chế biến nông sản sử dụng công nghệ tiên tiến.

+ Về đô thị: Đầu tư, xây dựng 4 đô thị trong hệ thống đô thị toàn tỉnh và Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh đã được duyệt.

+ Về dịch vụ thương mại: Xây dựng các khu trung tâm thương mại dịch vụ để phục vụ nhu cầu của khu vực phía Đông tỉnh cùng với phát triển hệ thống dịch vụ thương mại hiện có.

- Về nông nghiệp: Tiếp tục phát triển nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị sản phẩm.

- Về Du lịch: Phát triển các sản phẩm du lịch tâm linh - lịch sử - văn hoá, làng nghề.

- Y tế, văn hóa, giáo dục đào tạo: Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả của hệ thống giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, đáp ứng nguồn nhân lực cho nhu cầu công nghiệp hoá và hiện đại hoá, của vùng. Phát triển mạng lưới chăm sóc sức khoẻ ban đầu, khám chữa bệnh cho nhân dân, đầu tư nâng cấp các bệnh viện hiện có và nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Phát triển văn hoá, thông tin, thể dục thể thao, phát thanh, truyền hình theo yêu cầu phát triển.

7. Định hướng quy hoạch phát triển không gian vùng.

7.1. Mô hình phát triển:

Tăng cường và mở rộng liên kết vùng, phát triển theo hướng đa cực tập trung, với đô thị huyện lỵ Vĩnh Trụ và vùng phụ cận đóng vai trò là cực động lực chủ đạo; khu vực các đô thị Hòa Hậu, Nhân Mỹ, Thái Hà đóng vai trò là các cực động lực hỗ trợ. Trên cơ sở, thúc đẩy các trục hành lang kinh tế - đô thị phát triển gắn với các trung tâm đô thị trên địa bàn toàn huyện.

7.2. Định hướng phát triển:

- Phát triển không gian huyện theo hướng xây dựng tập trung vào khu vực đô thị và công nghiệp; gắn với khung cấu trúc giao thông theo hướng Đông - Tây, Đông Bắc - Tây Nam đảm bảo kết nối vùng huyện với đô thị trung tâm Phủ Lý và các vùng xung quanh.

- Khu vực nông thôn từng bước phát triển tập trung theo các điểm, cụm điểm tại trung tâm xã, trung tâm cụm xã. Bảo vệ các không gian kiến trúc làng xóm truyền thống tạo nên hình ảnh đặc trưng cho kiến trúc nông thôn trong vùng huyện.

- Hạn chế phát triển bám dọc các tuyến đường đối ngoại hiện hữu, đường đối ngoại phát triển mới trong hệ thống giao thông của tỉnh.

- Các khu vực trọng tâm: Khu vực đô thị - công nghiệp, các khu vực phát triển du lịch trọng điểm, các trung tâm xã, cụm xã là các khu vực xây dựng đặc trưng về không gian kiến trúc cảnh quan hiện đại trong vùng.

- Các tuyến không gian quan trọng: Trục ĐT.499- Vành đai 5 là trục hành lang kinh tế kéo dài từ Phủ Lý- Chợ Sông- Vĩnh Trụ- Thái Hà; tuyến QL.38B là trục liên kết Duy Tiên- Vĩnh Trụ- Nhân Mỹ- Hòa Hậu- Nam Định; các tuyến đường tỉnh ĐT.495B, ĐT.491; tuyến đường nối 2 đền Trần; tuyến sông Hồng, sông Châu và các tuyến kênh chính...là các trục không gian mở trong vùng. Bổ sung tuyến hành lang nông nghiệp quan trọng kết nối Bình Lục - Lý Nhân - Thái Bình.

- Các điểm nhìn quan trọng: Các vị trí giao cắt giữa tuyến Vành đai 5 với các tuyến QL.38B, ĐT.495B, tuyến đường nối 2 đền Trần.

- Khơi thông, làm sống lại dòng chảy sông Châu. Từng bước sử dụng hệ thống sông Hồng, sông Châu để hình thành trục hành lang kinh tế xanh đã xác định trong quy hoạch vùng tỉnh.

7.3. Định hướng phân vùng không gian phát triển:

Trên cơ sở sự tương đồng về điều kiện địa hình, địa chất, thủy văn, văn hóa, lịch sử và các đặc thù kinh tế; huyện Lý Nhân được định hướng phân làm 03 vùng phát triển đô thị và các khu chức năng chính:

a) Tiểu vùng 1 (*Vùng phát triển đô thị, dân cư, dịch vụ thương mại, công nghiệp phía Tây*), gồm 8 xã và 1 thị trấn: Vĩnh Trụ, Đồng Lý, Hợp Lý, Văn Lý, Chính Lý, Công Lý, Nguyên Lý, Đức Lý, Nhân Khang, Nhân Chính (*Quy mô diện tích đất tự nhiên khoảng 5.550ha*).

Định hướng phát triển: Là vùng kinh tế tổng hợp với thế mạnh là phát triển dịch vụ, thương mại, công nghiệp với động lực phát triển là thị trấn Vĩnh Trụ, định hướng phát triển và mở rộng ranh giới hành chính của thị trấn Vĩnh

Trụ sang xã Đồng Lý và 1 phần xã Đức Lý (*tiếp giáp khu vực phía Bắc đến tuyến đường ĐT.499-vành đai 5 Thủ đô*). Tập trung phát triển các khu đô thị mới tại khu vực thị trấn Vĩnh Trụ mở rộng bám theo QL.38B, ĐT.491. Hình thành phát triển khu, cụm công nghiệp cho giai đoạn sau 2020 trên cơ sở tận dụng lợi thế đường QL.38B, ĐT.499, ĐT.495B, đường nối đường ĐT.491 với ĐT.499 tại khu vực Đức Lý, Nhân Khang, Nhân Chính. Hình thành cảng hàng hóa trên sông Hồng khu vực tiếp giáp xã Nguyên Lý, Đạo Lý gắn với logistic để phục vụ phát triển công nghiệp dọc trục ĐT.499-Vành đai 5; cải tạo đập Phúc, đập Quan Trung, đập Vĩnh Trụ thành cầu vượt sông để thực hiện mục tiêu khai thác vận tải bằng đường thủy.

b) Tiểu vùng 2: (*Vùng kinh tế nông nghiệp và dự trữ phát triển phía Nam*) gồm các 6 xã và 2 đô thị: Nhân Mỹ, Hòa Hậu, Nhân Nghĩa, Nhân Bình, Xuân Khê, Nhân Thịnh, Phú Phúc, Tiến Thắng (*Quy mô diện tích đất tự nhiên khoảng 6.919ha*).

Định hướng phát triển: Là vùng phát triển trọng điểm về nông nghiệp; chuyên canh cây nông nghiệp - lương thực, phát triển đô thị - dân cư gắn với vùng nguyên liệu sản xuất nông sản, công nghiệp chế biến và tiểu thủ công nghiệp, làng nghề với hạt nhân động lực phát triển là đô thị Nhân Mỹ và đô thị Hòa Hậu. Kết hợp phát triển kinh tế gắn với khai thác du lịch cảnh quan, du lịch văn hóa, du lịch trải nghiệm, đồng thời chú trọng cải tạo, bảo vệ hệ sinh thái ven sông Châu, bảo vệ di tích lịch sử kết hợp du lịch văn hóa trong đó hạt nhân là khu tưởng niệm Nam Cao, khu nhà Bá Kiến, làng Vũ Đại,...

c) Tiểu vùng 3: (*Vùng phát triển công nghiệp, thương mại dịch vụ, đô thị phía Đông Bắc*) gồm 4 xã và 01 đô thị: Thái Hà (*Chân Lý, Bắc Lý*), Đạo Lý, Bắc Lý, Nhân Hưng, Nhân Đạo (*Quy mô diện tích đất tự nhiên khoảng 4.416ha*).

Định hướng phát triển: Tận dụng lợi thế là trung tâm đầu mối kết nối giao thông cửa ngõ phía Đông của tỉnh với các tỉnh Hưng Yên, Thái Bình và thành phố Hải Phòng phát triển kinh tế tổng hợp, với động lực phát triển là đô thị Thái Hà, định hướng phát triển về công nghiệp đa ngành, công nghiệp sạch công nghệ cao, thương mại dịch vụ gắn với tuyến đường ĐT.499 - vành đai 5, đường ĐT.495B và trục đường kết nối giữa 2 đền Trần. Trước mắt, phát triển khu công nghiệp Thái Hà và một số khu đô thị, nhà ở mới trong khu vực làm động lực phát triển cho vùng. Bảo tồn, khai thác phát triển du lịch tâm linh trên cơ sở quần thể các khu di tích lịch sử lâu đời trong khu vực như đền Trần Thương, đền Bà Vũ,...

7.4. Định hướng phát triển khu vực đô thị:

Trong quy hoạch xây dựng vùng huyện Lý Nhân xác định phát triển 04 đô thị, bao gồm: thị trấn huyện lỵ Vĩnh Trụ làm hạt nhân phát triển cho phân vùng 1; đô thị Nhân Mỹ, Hòa Hậu làm hạt nhân phát triển cho phân vùng 2; đô thị Thái Hà làm hạt nhân phát triển cho phân vùng 3, cụ thể:

a) Thị trấn Vĩnh Trụ: Là đô thị loại V định hướng phát triển lên đô thị loại IV (*diện tích sau mở rộng khoảng 702,82ha; quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 18.000 người, đến năm 2035 khoảng 27.5000 người*).

- Tính chất: Là đô thị huyện lỵ, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, trung tâm thương mại của huyện Lý Nhân.

- Định hướng phát triển không gian: Hướng phát triển không gian chủ yếu của thị trấn Vĩnh Trụ là bám theo các trục QL.38B, ĐT.491, đường nối hai đường ĐT.491 và ĐT.499, và đồng thời căn cứ thực tế phát triển hiện nay đề xuất định hướng mở rộng phạm vi ranh giới về phía Bắc (*khu vực nút giao đường ĐT.499-vành đai 5 với QL.38B*), vừa phù hợp với xu hướng phát triển vừa đảm bảo chỉ tiêu về quy mô dân số, diện tích theo quy định khi thị trấn Vĩnh Trụ nâng cấp lên đô thị loại IV.

b) Đô thị Thái Hà: Là thị trấn, đô thị loại V (*diện tích khoảng 2.025ha; quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 23.000 người, đến năm 2035 khoảng 33.000 người*).

- Tính chất: Là đô thị công nghiệp đa ngành có công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; là đô thị thương mại dịch vụ, trung tâm đầu mối kết nối giao thông cả đường bộ và đường thủy, cửa ngõ phía Đông của tỉnh.

- Định hướng phát triển không gian: Hướng phát triển không gian chủ yếu của đô thị Thái Hà là bám theo các trục đường ĐT.499-vành đai 5 và ĐT.495B, phát triển tập trung tại khu vực nút giao.

c) Đô thị Nhân Mỹ: Là thị trấn, đô thị loại V (*diện tích khoảng 776ha; quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 8.000 người, đến năm 2035 khoảng 12.000 người*).

- Tính chất: Là cụm văn hóa, giáo dục, y tế, trung tâm thương mại, dịch vụ, công nghiệp chế biến nông, hải sản của vùng.

- Định hướng phát triển không gian: Hướng phát triển không gian chủ yếu của đô thị Nhân Mỹ là bám theo các trục đường QL.38B, đường nối 2 đèo Trần và trục đường động lực (*đề xuất mới*) kết nối Bình Lục-Lý Nhân- Thái Bình. Phát triển tập trung tại khu vực trung tâm hiện hữu, mở rộng các khu chức năng của đô thị và các khu ở mới xung quanh khu vực hiện hữu.

d) Đô thị Hòa Hậu: Là thị trấn, đô thị loại V được định hướng hình thành trên cơ sở miền Nhân Hòa và Nhân Hậu (*diện tích khoảng 880ha; quy mô dân số đến năm 2025 khoảng 16.925 người, đến năm 2035 khoảng 18.330 người*). .

- Tính chất: Là trung tâm thương mại, dịch vụ, làng nghề tiểu thủ công nghiệp, du lịch văn hóa.

- Định hướng phát triển không gian: Hướng phát triển không gian chủ yếu của đô thị Hòa Hậu là bám theo các trục đường QL.38B, đường nối 2 đèo Trần. Phát triển toàn bộ đô thị trở thành một không gian du lịch văn hóa gắn kết giữa cảnh quan sinh thái nông nghiệp, cảnh quan mặt nước với những giá trị văn hóa - di tích độc đáo của khu vực.

7.5. Định hướng phát triển khu vực nông thôn:

- Động lực chủ yếu để phát triển các khu dân cư nông thôn là xây dựng, hình thành trung tâm xã có chức năng là trung tâm dịch vụ thương mại - nông nghiệp - làng nghề; đồng thời chỉnh trang, nâng cấp hệ thống hạ tầng xã hội,

hạ tầng kỹ thuật trong làng xóm hiện trạng. Đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất và tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn.

- Định hướng phát triển khu vực nông thôn theo Chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung là xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hoàn thiện và hiện đại; nghiên cứu các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, gắn nông nghiệp với sản xuất chế biến kết hợp cung cấp dịch vụ hàng hóa nông sản sạch; kết hợp hài hòa giữa phát triển đô thị và nông thôn theo định hướng quy hoạch, đảm bảo môi trường sinh thái, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân; ổn định xã hội, an ninh trật tự trong khu vực nông thôn.

- Trên cơ sở rà soát hiện trạng các xã theo 19 tiêu chí đã ban hành, trong đó đặc biệt quan tâm xây dựng nông thôn mới văn minh- hiện đại theo chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; thực hiện việc lồng ghép các chương trình, dự án; huy động các nguồn vốn hỗ trợ tín dụng và huy động sức dân để xây dựng nông thôn mới.

8. Quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế.

8.1. Định hướng phát triển hệ thống cơ quan, công sở:

- Khu vực trung tâm hành chính chính trị của huyện được xây mới theo quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Trụ. Khu hành chính cũ sẽ được cải tạo, tổ chức gắn với quảng trường, trung tâm văn hóa thể thao huyện.

- Trên cơ sở thực hiện việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, hệ thống các trụ sở xã, thị trấn hiện hữu được cải tạo, nâng cấp và chuyển đổi (*nếu dư thừa trụ sở*) để phục vụ cho hoạt động hành chính, công cộng trong quá trình phát triển.

8.2. Định hướng phát triển mạng lưới công trình y tế:

- Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, chất lượng đội ngũ y, bác sỹ; thực hiện chuẩn quốc gia về y tế ở tất cả các xã, thị trấn.

- Tiếp tục duy trì và nâng cấp Trung tâm y tế Lý Nhân được sáp nhập từ bệnh viện trung tâm, khu trung tâm y tế và trung tâm dân số với quy mô 120 giường bệnh. Bệnh viện Nam Lý chuyển thành phòng khám đa khoa Nam Lý với quy mô 50 giường bệnh.

- Đảm bảo mỗi đơn vị hành chính có 01 trạm y tế (*trừ thị trấn Vĩnh Trụ không bố trí trạm y tế do đã có Bệnh viện đa khoa cấp huyện*).

8.3. Định hướng phát triển mạng lưới công trình giáo dục, đào tạo:

- Hệ thống trường học cơ bản đã đáp ứng được các nhu cầu hiện tại của huyện. Khi hình thành thêm các thị trấn và thu hút dân cư chuyển đến khi công nghiệp và đô thị phát triển, cần mở rộng thêm khuôn viên trường học và nâng cao hệ thống cơ sở vật chất.

- Không thành lập mới các trường công lập; khuyến khích, tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân mở trường học tư thục các cấp .

- Căn cứ vị trí địa lý phù hợp để sáp nhập trường theo mô hình trường liên xã, trường nhỏ trở thành phân hiệu của trường lớn.

- Đến giai đoạn sau khi các khu công nghiệp lấp đầy, các đô thị, khu nhà ở mới được hình thành, các thị trấn, trung tâm xã hình thành, cần bổ sung thêm các điểm trường phù hợp, đảm bảo bán kính phục vụ nhu cầu học tập của học sinh tại các khu vực này.

- Cải tạo chỉnh trang Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề của huyện Lý Nhân.

8.4. Định hướng phát triển mạng lưới công trình thiết chế văn hóa, cây xanh, thể dục thể thao:

- Trên cơ sở các đơn vị hành chính dự kiến sau sáp nhập, đảm bảo mỗi xã đều có một nhà văn hóa và trung tâm thể dục thể thao cấp xã; mỗi tổ dân cư đều có một nhà văn hóa, khu vực công viên cây xanh thể dục thể thao.

- Hình thành trung tâm thể dục thể thao và nâng cấp cơ sở vật chất văn hóa cho thị trấn Vĩnh Trụ, đảm bảo đáp ứng vai trò là Trung tâm văn hóa thể dục thể thao cấp vùng huyện (*trung tâm văn hoá đa năng, thư viện, nhà truyền thống, khu triển lãm, sân vận động, ... có thể đáp ứng nhu cầu tổ chức các sự kiện văn hoá, thể thao lớn của huyện, của tỉnh*). Tại các thị trấn, đô thị phát triển mới, xây dựng hệ thống cụm công trình văn hóa TDTT hiện đại, đa chức năng phục vụ chung cho toàn huyện và các vùng phụ cận.

- Hình thành các điểm văn hóa là những nơi có di tích lịch sử tiêu biểu (*đình, đền, chùa, miếu,...*) đặc biệt là đền Trần Thương, đình Ngô, đình và chùa Nhân Mỹ, khu tưởng niệm nhà văn liệt sỹ Nam Cao, đền Bà Vũ, khu tưởng niệm 32 cụ già thôn Đức Bản,...

- Quy hoạch hệ thống công viên cây xanh tập trung cấp vùng, cấp tiểu vùng, cấp đô thị, cấp xã,... đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt cộng đồng của người dân và tạo cảnh quan môi trường cho khu vực.

8.5. Định hướng phân bố đất ở:

- Khu vực ở làng xóm cải tạo chỉnh trang, bổ sung hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Khu vực ở mới chủ yếu tập trung ở các thị trấn, trung tâm xã và gần các khu công nghiệp lớn.

- Từng bước di dời các làng xóm hiện trạng phía ngoài đê sông Hồng và sông Châu vào phía trong đê, nhằm đảm bảo an toàn cho dân cư và tạo hành lang xanh khi sông Châu được khơi thông dòng chảy.

8.6. Quy hoạch hệ thống hạ tầng Kinh tế:

a) Định hướng phát triển Công nghiệp:

- Phát triển Công nghiệp làm trọng tâm, là động lực phát triển thúc đẩy các lĩnh vực khác phát triển theo.

- Phát triển khai thác có hiệu quả dự án Khu công nghiệp Thái Hà đã có trong quy hoạch của Thủ tướng (*quy mô 300 ha*) là khu công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp đa ngành. Đồng thời, dành quỹ đất dự trữ cho phát triển mở rộng Khu công nghiệp về khu vực Đức Lý, Nguyên Lý, Bắc Lý, Nhân Hưng,... Hình thành mới Khu công nghiệp khu vực Nhân Mỹ (*quy mô dự kiến khoảng 150ha*) là khu công nghiệp chế biến nông hải sản, cung cấp dịch vụ nông nghiệp.

- Ngoài ra, hình thành một số cụm công nghiệp tại các vị trí thuận lợi: Cụm công nghiệp Vĩnh Trụ, Đức Lý (*quy mô khoảng 75ha*); Cụm công nghiệp Nhân Khang, Nhân Chính (*diện tích khoảng 65ha*). Duy trì, mở rộng cụm công nghiệp Hòa Hậu (*diện tích khoảng 30ha*).

- Các làng nghề truyền thống: Duy trì phát huy các làng nghề truyền thống, như: nghề dệt và nghề làm bánh đa nem làng Chèu, sản xuất đồ gỗ Nhân Khang; Làng nghề làm mành mành xã Đồng Lý; làng nghề đan Cót xã Đạo Lý,... theo hướng quy hoạch thành điểm công nghiệp làng nghề tập trung đảm bảo nâng cao sản xuất và thuận lợi trong công tác quản lý vệ sinh môi trường.

b) Định hướng phát triển Thương mại - dịch vụ:

- Xây dựng, nâng cấp hệ thống chợ và các loại hình dịch vụ gắn với chợ.

- Phát triển một số trung tâm thương mại và hệ thống siêu thị nhỏ, cửa hàng tiện ích tại các trung tâm vùng, khu vực các thị trấn, đô thị và trung tâm xã.

- Phát triển hệ thống khách sạn quy mô vừa và nhỏ, hệ thống nhà nghỉ theo hướng sinh thái phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội trong vùng.

c) Định hướng phát triển du lịch:

- Phát triển du lịch của huyện (*như trung tâm văn hóa tâm linh Đền Trần Thương, khu du lịch tưởng niệm nhà văn Liệt sỹ Nam Cao, Đền Bà Vũ, trục cảnh quan xây xanh mặt nước sông Châu, sông Hồng,..*) gắn với du lịch trong tỉnh, đồng thời khai thác lợi thế về vị trí địa lý của huyện để kết hợp phát triển du lịch với các khu vực xung quanh (*như Phố Hiến - Hưng Yên, Đền Trần, phủ Dày - Nam Định, Chùa Keo - Thái Bình...*).

- Định hướng về phát triển du lịch trong huyện: Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị các điểm di tích, đặc biệt là các điểm di tích lịch sử văn hóa tâm linh để tạo thành chuỗi du lịch. Đầu tư mô hình trình diễn du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, nông thôn làm cơ sở chuyển giao và thúc đẩy người dân tham gia phát triển và quản lý du lịch. Đầu tư phát triển hệ thống giao thông đường thủy trên sông Châu gắn với các điểm dừng tham quan du lịch tại các làng nghề, di tích lịch sử văn hóa.

d) Định hướng sản xuất nông nghiệp:

- Phát triển nông nghiệp là mũi nhọn, theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp với du lịch, phát triển nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái phục vụ du lịch. Sản phẩm chủ lực như: lúa hàng hóa, rau củ quả chất lượng cao; các sản phẩm chăn nuôi tập trung: bò thịt, bò sữa, lợn, gia cầm, cá lồng...

- Đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất, đảm bảo sản lượng lương thực. Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất các sản phẩm nông nghiệp sạch xuất khẩu; áp dụng các mô hình sản xuất, tiếp thu các tiến bộ Khoa học kỹ thuật.

- Quy hoạch hình thành vùng sản xuất: Vùng chuyên canh lúa chất lượng cao ở tất cả các xã; Vùng chuyên canh ngô chất lượng cao tại các khu vực đất

bãi, đất ven sông; Vùng chuyên canh rau tại các xã Hợp Lý, Nhân Chính, Nhân Nghĩa, Chân Lý, Tiến Thắng; Vùng chuyên canh cây lâu năm (*cây có múi, táo, ổi, thanh long...*) tại các xã Nhân Khang, Nguyên Lý, Nhân Chính, Nhân Nghĩa, Vĩnh Trụ, Nhân Bình, Chính Lý, Hoà Hậu, Phú Phúc, Tiến Thắng, Xuân Khê, Nhân Mỹ.

e) Định hướng phát triển Trục hành lang kinh tế vùng:

- Trục hành lang kinh tế ĐT.499- vành đai 5: Phát triển mạnh mẽ hành lang kinh tế dọc trục từ Phủ Lý đến Thái Hà với trọng tâm là phát triển Công nghiệp- Đô thị- Thương mại dịch vụ, trên cơ sở lấy đô thị Vĩnh Trụ và Thái Hà làm hạt nhân phát triển đối với đoạn qua Lý Nhân.

- Trục hành lang kinh tế xanh sông Châu: Trên cơ sở khơi thông, làm sống lại dòng chảy sông Châu, cụ thể hóa định hướng phát triển trục hành lang xanh quan trọng Đông - Tây (*theo định hướng quy hoạch vùng tỉnh*), kết hợp việc khai thác vận tải bằng đường thủy với khác thác du lịch văn hóa, du lịch nông nghiệp dọc sông Châu.

9. Định hướng quy hoạch sử dụng đất.

Bảng tổng hợp cân bằng sử dụng đất đến năm 2035

TT	Hạng mục	Hiện trạng 2018		Dự báo 2025		Dự báo 2035	
		Diện tích 2018 (Ha)	Tỉ lệ %	Diện tích 2025 (Ha)	Tỉ lệ %	Diện tích 2035 (Ha)	Tỉ lệ %
*	Diện tích tự nhiên toàn Huyện	16.884,3	100	16.884,3	100	16.884,3	100
I	Đất xây dựng	4.079,66	24	5.510	33	7.342	43
1	Đất dân dụng	2.891	17	3.225	19,1	4.220	25,0
1.1	Đất ở	1.262,60	7,5	1.400	8,3	2.068,29	12,2
-	Đất ở đô thị	116,95		477		798,6	
-	Đất ở nông thôn chính trang	1.145,65		923,0		1.270	
1.2	Đất công cộng	106,60	0,63	154,75	0,9	254,73	1,5
-	Đất công cộng xã hội	24,56		57,9		96,50	
-	Đất giáo dục	61,20		61,2		82,40	
-	Đất y tế	8,25		8,3		14,93	
-	Đất TĐTT	12,59		27,4		60,90	
1.3	Đất cơ quan, trụ sở	32,16	0,19	32,2	0,2	34,40	0,2
1.4	Đất giao thông	1.489,80	8,8	1.639	10	1.862	11
2	Đất ngoài dân dụng	1.188,50	7,0	2.284,23	13,5	3.122,30	18,5
2.1	Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	200,31	1,19	1.019,23	6,0	1.824,23	10,8
-	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	177,06		881,26		1.686	

TT	Hạng mục	Hiện trạng 2018		Dự báo 2025		Dự báo 2035	
		Diện tích 2018 (Ha)	Tỉ lệ %	Diện tích 2025 (Ha)	Tỉ lệ %	Diện tích 2035 (Ha)	Tỉ lệ %
	(CN-TTCN....) và đất khai thác VLXD, khoáng sản						
-	Đất hỗn hợp, thương mại, dịch vụ và phi nông nghiệp khác	23,25		138		138	
2.2	Đất thủy lợi	687,40	4,1	687,40	4,1	687,40	4,1
2.3	Đất tôn giáo tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hoá, danh thắng, vui chơi giải trí công cộng	85,85	0,5	238,34	1,4	238,34	1,4
2.4	Đất cây xanh cách ly, cây xanh cảnh quan đô thị	0,0	0,0	107,50	0,6	134,37	0,8
2.5	Đất công trình đầu mối HTKT	9,14	0,1	14,46	0,1	20,66	0,1
2.6	Đất an ninh, quốc phòng	1,30	0,01	1,30	0,01	1,30	0,01
2.7	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	204,50	1,2	216	1,3	216	1,3
II	Đất khác	12.804,7	76	11.375,0	67	9.542,3	57
1	Đất nông nghiệp	10.195,40	60,4	9.070	53,7	7.651	45,3
2	Đất nuôi trồng thủy sản	1.361,60	8,1	1.212	7,2	955	5,7
3	Sông suối và mặt nước chuyên dùng	1.164,30	6,9	1.093	6,5	436	2,6
4	Đất chưa sử dụng	83,40	0,5	0,0	0,0	0,0	
5	Đất dự trữ phát triển	0,0	0,0	0,0	0,0	500	3,0

10. Quy hoạch hệ thống hạ tầng Kỹ thuật.

10.1. Định hướng quy hoạch giao thông:

a) Giao thông đối ngoại:

- Giao thông đường bộ: Đảm bảo kết nối khu vực nghiên cứu với các khu vực trong tỉnh Hà Nam và các tỉnh lân cận như Hưng Yên, Thái Bình. Bao gồm: đường ĐT.499- Vành đai 5, quy mô 6 làn xe; Quốc lộ 38B quy mô đường cấp 3 đồng bằng 2 làn xe; cải tạo nâng cấp đường tỉnh ĐT.491, ĐT.492. Định hướng đầu tư mới đường ĐT.495B; Đường kết nối 2 đèo Trần; Đường kết nối sang Thái Bình (*khu vực xã Nhân Thịnh*). Đoạn chạy qua đô thị được định hướng theo quy mô đường đô thị.

- Giao thông đường thủy: Khai thác tuyến giao thông đường thủy trên sông Hồng và sông Châu với các tuyến vận tải hàng hóa và hành khách trên cơ sở khai thác các công trình Bến, cảng trên tuyến.

b) Giao thông nội bộ:

- Hệ thống giao thông nội bộ được kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông đối ngoại.

- Hệ thống đường huyện: Cải tạo nâng cấp 12 tuyến đường huyện và hình thành 4 tuyến đường huyện mới (*ĐH M1, ĐH M2, ĐH M3, ĐH M4*).

- Đường trục chính đô thị: Hệ thống đường chính đô thị có vai trò kết nối thuận lợi các khu chức năng với nhau, trên cơ sở tuân thủ mạng lưới đường giao thông trong từng đô thị.

c) Công trình phục vụ giao thông:

- Bến bãi đỗ xe: Xây dựng 3 bến xe cấp huyện tại các đô thị, thị trấn (*Vĩnh Trụ, Thái Hà, Hòa Hậu*) và xây dựng hệ thống bãi đỗ xe tập trung tại các khu du lịch, khu vực công cộng đảm bảo nhu cầu đỗ xe trong tương lai.

- Nút giao thông: Xây dựng 3 nút giao thông khác mức trực thông tại giữa đường cao tốc ĐT.499-Vành đai 5 với QL.38B, ĐT.495B và nút đầu cầu Thái Hà.

- Hệ thống cầu qua sông: Hình thành 14 cầu qua sông Hồng và sông Châu nằm trên các tuyến đường chính. Hệ thống cầu qua sông đảm bảo kết nối giao thông giữa huyện Lý Nhân với các huyện Duy Tiên, Bình Lục và các tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hưng Yên.

- Cảng thủy nội địa dọc theo sông Hồng: Quy hoạch 03 cảng hàng hóa (*Cảng Đạo Lý, Cụm Cảng Thái Hà, cảng Hòa Hậu*) và 01 cảng ICD tại xã Nguyễn Lý (*khu vực Âu Tắc Giang*) và 01 bến khách (*Bến Như Trác*).

10.2. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

a) Cốt nền xây dựng:

- Khu vực trong đê Đại Hà (*đê sông Hồng*): Giữ nguyên cao độ nền xây dựng trong làng xóm, khu dân cư hiện trạng (*cốt +2,2m ÷ +4,2m*). Các khu vực đô thị (*Thị trấn Vĩnh Trụ, Hòa Hậu, Nhân Mỹ, khu đô thị Thái Hà*) và các khu vực xây dựng mới theo quy hoạch cần tôn nền đến cao độ tối thiểu $H_{xd} \geq +2,5m$.

- Khu vực ngoài đê Đại Hà: Giữ nguyên cao độ nền hiện trạng tự nhiên (*cốt +3,5m ÷ +4,2m*). Sử dụng giải pháp san nền cục bộ, cải tạo nền tại chỗ; không tổ chức tôn nền xây dựng tại khu vực thuộc hành lang thoát lũ sông Hồng.

b) Thoát nước mặt:

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng đồng bộ, đảm bảo thoát nước tốt. Nước mưa chủ yếu chảy về các kênh tiêu chính rồi thoát ra sông Châu và sông Hồng.

- Nước mặt tiêu thoát theo 03 vùng lưu vực chính:

+ Lưu vực phía Tây huyện: Gồm các xã, thị trấn nằm dọc theo sông Châu Giang và sông Long Xuyên, nước mưa được tiêu thoát tự chảy về các kênh mương tiêu chính, rồi thoát nước ra sông Châu và sông Long Xuyên thông qua các trạm bơm Quan Trung, Hội Động.

+ Lưu vực phía Tây đê Đại Hà: Gồm các xã nằm dọc theo tuyến Đê Đại Hà, Nước mưa được tiêu thoát tự chảy về các kênh tiêu chính và thoát ra sông Long Xuyên, Kênh Như Trác và ra sông Hồng thông qua các trạm bơm Như Trác I, II, Nhân Hòa I, II, Hữu Bị.

+ Lưu vực giữa đê Đại Hà và sông Hồng: Việc tiêu thoát nước tại khu vực này theo hình thức tự chảy ra các kênh mương hiện có và thoát ra sông Hồng.

- Tùy theo tính chất, công năng của từng khu vực, từng công trình để lựa chọn, sử dụng hệ thống thoát nước riêng, nửa riêng, chung với hệ thống thoát nước bản. Sử dụng công tròn BTCT, công hộp BTCT, mương rãnh xây có nắp đan.

c) Hệ thống Thủy lợi:

- Nâng cấp, cải tạo, khơi thông dòng chảy các kênh tiêu nước chính trong khu vực; nâng cấp cải tạo cống qua đê hữu sông Hồng và đê tả sông Châu. Duy trì công suất các trạm bơm tiêu thoát nước hiện trạng, bổ sung xây dựng mới trạm bơm Như Trác II (*công suất 53.500m³/h*) và trạm bơm Nhân Hòa II (*công suất 220.000m³/h*).

- Cải tạo hệ thống đê, kè, nạo vét sông Châu nối với sông Hồng; cải tạo thanh thế đập Phúc, đập Vĩnh Trụ và đập Quan Trung thành cầu để khơi thông dòng chảy sông Châu nối sông Hồng hình thành tuyến vận tải, du lịch; đồng thời về lâu dài nghiên cứu cải tạo Âu Tắc Giang, Âu Hữu Bị để đáp ứng vai trò vừa mang tính chất điều tiết nước vừa đáp ứng vai trò vận tải thủy- du lịch.

- Hạn chế xây dựng các công trình ngoài đê, nghiêm cấm xây dựng công trình nhà ở mới bên ngoài đê.

10.3. Định hướng hạ tầng cấp nước:

- Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng.

- Tổng nhà máy nước toàn huyện đến năm 2025 2025 khoảng 50.000m³/ng.đ, đến năm 2035 khoảng 75.000m³/ng.đ.

- Phân vùng cấp nước: Phát triển hệ thống cấp nước từng phân vùng tập trung với độ tin cậy cao; huyện Lý Nhân chia thành 07 vùng cấp nước chính.

+ Vùng 1: gồm 03 xã là Hợp Lý, Chính Lý, Văn Lý.

+ Vùng 2: gồm 02 xã Nguyễn Lý, Công Lý.

+ Vùng 3: gồm thị trấn Vĩnh Trụ (*mở rộng Đồng Lý và 1 phần Đức Lý*) và xã Nhân Khang.

+ Vùng 4: gồm đô thị là Thái Hà và 09 xã là Đạo Lý, Đức Lý, Bắc Lý, Nhân Đạo, Nhân Hưng, Nhân Chính, Nhân Nghĩa, Nhân Bình, Xuân Khê.

+ Vùng 5: gồm đô thị Nhân Mỹ và xã Nhân Thịnh.

+ Vùng 6: toàn bộ xã Phú Phúc.

+ Vùng 7: gồm đô thị Hòa Hậu và xã Tiến Thắng.

- Các công trình cấp nước được quy hoạch gồm:

+ Xây dựng mới Nhà máy nước tại xã Đạo Lý phục vụ cho huyện Lý Nhân và huyện Bình Lục: giai đoạn năm 2025 công suất 60.000m³/ng.đ; giai đoạn năm 2035 công suất 100.000m³/ng.đ.

+ Cải tạo nâng công suất 06 Nhà máy nước (*Hợp Lý, Nguyên Lý, Chân Lý, Nhân Thịnh, Hòa Hậu, Phú Phúc*) và chuyển đổi thành trạm bơm tăng áp 03 Nhà máy nước (*Vĩnh Trụ, Nhân Bình, Xuân Khê*).

+ Cải tạo, từng bước nâng công suất các Nhà máy nước đang sử dụng nước mặt sông Hồng (*Chân Lý, Nguyên Lý, Nhân Thịnh, Phú Phúc, Hòa Hậu*).

- Định hướng mạng lưới đường ống cấp nước:

+ Mạng lưới ống được chia làm 03 cấp: truyền dẫn, phân phối và dịch vụ. Sử dụng vật liệu bằng ống nhựa HDPE hoặc ống gang để cung cấp nước sạch.

+ Cấp nước chữa cháy: Nguồn cho cấp nước chữa cháy được lấy từ 02 nguồn (*kết hợp với cấp nước sinh hoạt, lấy từ nguồn nước sông, ao, hồ...*).

- Bảo vệ nguồn nước:

+ Nguồn nước mặt phải được bảo vệ khỏi các hoạt động dân sinh, đặc biệt từ chất thải, nước thải (*từ các khu chăn nuôi tập trung, các khu công nghiệp, hóa chất từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp*).

+ Khu vực bảo vệ nguồn nước: Xung quanh điểm lấy nước nguồn cho hệ thống cấp nước phải duy trì khu vực bảo vệ vệ sinh.

10.4. Định hướng hạ tầng cấp điện; thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông:

a) Cấp điện:

- Nguồn điện:

+ Nguồn 220KV: Hiện nay đang xây dựng trạm Lý Nhân, giai đoạn đến năm 2025 công suất 1x125MVA; giai đoạn đến năm 2035 công suất 2x125MVA.

+ Nguồn điện 110KV: Trạm Lý Nhân giai đoạn 2025 công suất (25+40)MVA; giai đoạn 2035 nâng công suất lên 2x40MVA. Trạm Thái Hà giai đoạn 2025-2035 công suất (2x40)MVA. Trạm Nhân Mỹ giai đoạn 2025-2035 công suất (1x40)MVA.

- Lưới điện:

+ Lưới 220KV: Xây dựng mới tuyến 220KV mạch kép cấp cho trạm 220KV Lý Nhân trên tuyến 220KV Thanh Nghị - Thái Bình giai đoạn 2021 – 2025.

+ Lưới 110KV: Xây dựng mới tuyến 110KV rẽ nhánh cấp đến trạm 110KV Thái Hà, tuyến 110KV rẽ nhánh cấp cho trạm 110KV Nhân Mỹ giai đoạn 2021 – 2025.

+ Lưới điện 22KV: xây dựng theo kết cấu mạch vòng, bình thường vận hành hở. Khu vực thị trấn Vĩnh Trụ, các đô thị mới, các khu đô thị, khu nhà ở về lâu dài cần được đầu tư ngầm hóa để đảm bảo mỹ quan đô thị.

b) Thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông:

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp trên địa bàn huyện với dung lượng lớn, chất lượng cao nhằm cung cấp các dịch vụ viễn thông, bưu chính với chất lượng tốt, giá cước hợp lý, đáp ứng đa dạng nhu cầu của người sử dụng dịch vụ. Thực hiện từng bước việc ngầm hóa hạ tầng mạng cấp viễn thông trong khu vực đô thị.

10.5. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

- Tổng lượng nước thải phát sinh là 29.900 m³/ngày.đêm (giai đoạn đến năm 2025) và 54.700 m³/ngày.đêm (giai đoạn năm 2035).

- Vùng huyện Lý Nhân được phân làm 03 vùng thoát nước thải:

+ Vùng 1: Vùng trung tâm phía Tây (gồm 8 xã và 1 thị trấn: Vĩnh Trụ, Hợp Lý, Văn Lý, Chính Lý, Công Lý, Nguyên Lý, Đức Lý, Nhân Khang, Nhân Chính).

+ Vùng 2: Vùng phía Nam (gồm các 6 xã và 2 đô thị: Nhân Mỹ, Hòa Hậu, Nhân Nghĩa, Nhân Bình, Xuân Khê, Nhân Thịnh, Phú Phúc, Tiến Thắng).

+ Vùng 3: Vùng đô thị trung tâm phía Đông Bắc (gồm 4 xã và 1 đô thị: Thái Hà, Bắc Lý, Nhân Đạo, Đạo Lý, Nhân Hưng).

- Hệ thống thoát nước trên địa bàn huyện sử dụng hệ thống thoát nước hỗn hợp, trong đó:

+ Khu vực đô thị thuộc đô thị sử dụng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Đối với khu vực dân cư hiện trạng sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng.

+ Khu vực nông thôn trước mắt sử dụng hệ thống thoát nước chung; giai đoạn sau từng bước cải tạo xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng.

+ Khu vực phát triển triển công nghiệp sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, được thu gom về trạm xử lý riêng trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung.

- Khu vực hoạt động y tế: Mỗi bệnh viện có trạm xử lý nước thải riêng, nước thải bệnh viện được thu gom và xử lý riêng, đạt tiêu chuẩn mới được đổ vào hệ thống thoát nước chung.

- Khu vực hoạt động du lịch: có yêu cầu vệ sinh môi trường cao, mật độ xây dựng thấp, phân tán cần ưu tiên xử lý cục bộ nước thải cho từng công trình hoặc nhóm công trình. Nước thải sau các bể này sẽ được xử lý triệt để bằng hệ thống hào lọc hoặc tận dụng lại để tưới cây, rửa đường...

b) Quản lý chất thải rắn:

- Tổng lượng chất thải rắn cần thu gom là 262 tấn/ngày (giai đoạn đến năm 2025) và 433 tấn/ngày (giai đoạn đến năm 2035).

- Phân loại chất thải rắn tại nguồn; khuyến khích ủ rác thành phân vi sinh quy mô hộ gia đình nông thôn.

- Hệ thống rác thải được thu gom về trạm trung chuyển (mỗi phân vùng được bố trí 01 trạm trung chuyển) sau đó vận chuyển về xử lý tại nhà máy rác tập trung của tỉnh.

c) Nghĩa trang:

- Thực hiện nghiêm túc theo nghị quyết 18/2015/NQ-HĐND ngày 2/7/2015 của HĐND tỉnh về quy định quản lý quy hoạch, xây dựng và sử dụng nghĩa trang nhân dân trên địa bàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh.

- Định hướng sử dụng các nghĩa trang tập trung cấp vùng huyện, nghĩa trang liên xã đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường. Khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng.

- Dự kiến quy hoạch nghĩa trang cấp vùng huyện tại khu vực xã Bắc Lý với quy mô khoảng 12ha.

10.6. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Bảo vệ nguồn nước: xây dựng hệ thống thoát nước riêng cho khu công nghiệp và các khu vực phát triển mới; Tận dụng ao, hồ xử lý nước thải trong điều kiện tự nhiên cho khu vực nông thôn; Lưu thông kết nối hồ với sông, tạo các hồ chứa bổ cấp nước ngầm; Kiểm soát nguồn thải đối với lưu vực sông Hồng, sông Châu, các kênh mương lớn trong vùng.

- Bảo vệ môi trường không khí: Thiết lập hệ thống cây xanh, tường chắn tại khu vực dân cư, dọc hai bên bờ sông; xung quanh khu, cụm công nghiệp và bệnh viện. Định hướng sản xuất công nghệ sạch, kiểm soát ô nhiễm không khí, phát triển giao thông công cộng.

- Bảo vệ môi trường đất: Thực hiện phân loại và thu gom chất thải rắn, quy hoạch điểm tập kết chất thải rắn tại các vị trí hợp lý, kiểm soát chất thải nghĩa trang.

- Sử dụng bền vững nguồn tài nguyên, thực hiện quy hoạch bảo tồn, phát huy giá trị di tích đình, đền, chùa...Khôi phục phát triển cây trồng có nguồn gen quý hiếm và nổi tiếng như: Chuối ngự Đại Hoàng (*chuối tiến vua*), Quýt hương Văn Lý,....

11. Các chương trình, dự án ưu tiên, nguồn lực và lộ trình thực hiện.

11.1. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

- Chương trình phát triển hệ thống hạ tầng khung của huyện gắn với mạng lưới hạ tầng chung của vùng tỉnh Hà Nam.

- Chương trình phát triển đô thị gắn với việc chuẩn bị các tiền đề hỗ trợ hình thành các thị trấn, đô thị mới trên địa bàn huyện.

- Chương trình phát triển nông thôn gắn với nông thôn mới

- Chương trình cải tạo chất lượng môi trường đô thị nông thôn huyện.

- Chương trình bảo vệ và phát huy các giá trị cảnh quan, di tích văn hóa lịch sử, văn hóa dân gian tại địa phương, văn hóa cộng đồng.

11.2. Các dự án chiến lược ưu tiên phát triển.

a) Hệ thống hạ tầng cơ sở:

- Đầu tư phát triển mở rộng quy mô mặt cắt đường ĐT.499- Vành đai 5 thủ đô; đoạn còn lại của trục đường ĐT.495B; đường nối 2 đền Trần.

- Đầu tư xây dựng hệ thống các công trình đầu mối cấp vùng trong lĩnh vực giao thông, thủy lợi, cấp nước, cấp điện, thoát nước, chất thải rắn, nghĩa trang (như: hệ thống cảng trên sông Hồng, sông Châu; trạm bơm, kênh mương tưới, tiêu; Nhà máy cấp nước sạch Đạo Lý, hệ thống đường ống cấp nước sạch truyền tải theo quy hoạch cấp nước vùng tỉnh; hệ thống trạm điện cao thế và đường dây

truyền tải; hệ thống thu gom, xử lý rác thải, chất thải rắn trên địa bàn huyện; nghĩa trang tập trung cấp vùng huyện;...).

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống đê, kè, nạo vét sông Châu gắn với bảo vệ môi trường; thay thế đập Phúc, đập Vĩnh Trụ và đập Quan Trung thành cầu; về lâu dài nghiên cứu cải tạo Âu Tắc Giang, Âu Hữu Bị để đáp ứng vai trò vừa mang tính chất điều tiết nước vừa đáp ứng vai trò vận tải thủy-du lịch.

- Đầu tư xây dựng các công trình công viên, cây xanh, quảng trường, khu vui chơi giải trí mang tính cấp vùng, cấp đô thị.

- Hệ thống công trình giáo dục, y tế, trụ sở cơ quan được đầu tư nâng cấp định kỳ, thường xuyên.

b) Hệ thống hạ tầng kinh tế:

- Phát triển các dự án Khu, cụm, làng nghề công nghiệp theo quy hoạch vùng huyện; trong đó đặc biệt quan tâm phát triển các khu công nghiệp trên trục đường vành đai 5 gắn với phát triển đô thị.

- Các dự án quy hoạch phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Các dự án về thương mại dịch vụ trong khu vực đô thị theo quy hoạch được duyệt.

c) Khu vực dân cư cũ chưa đảm bảo điều kiện sống và ảnh hưởng đến an toàn tính mạng của người dân:

- Khu vực ở làng xóm cải tạo chỉnh trang, bổ sung hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

- Từng bước di dời các làng xóm hiện trạng phía ngoài đê sông Hồng và sông Châu vào phía trong đê, nhằm đảm bảo an toàn cho dân cư và tạo hành lang xanh khi sông Châu được khơi thông dòng chảy.

11.3. Nguồn lực thực hiện:

Nguồn ngân sách Nhà nước đối với công trình trụ sở cơ quan, hành chính công, bệnh viện, giáo dục, công viên cây xanh, công trình TĐTT, công trình hạ tầng đầu mối,... Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đối với các hạng mục xây dựng kinh doanh. Ngoài ra, huy động sức dân cùng tham gia xây dựng nông thôn mới.

11.4. Lộ trình thực hiện:

- Giai đoạn 2019 - 2020: Rà soát, lập kế hoạch, lộ trình xác định danh mục ưu tiên đầu tư các công trình, dự án ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đồng thời triển khai các công trình cấp bách; xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư.

- Giai đoạn 2020 - 2025: Phát triển hệ thống hạ tầng khung và các dự án trọng điểm, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

- Giai đoạn 2025 - 2035: Phát triển các dự án về hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội theo hướng phát triển bền vững, thân thiện với môi trường sinh thái. Hoàn chỉnh các chiến lược phát triển hướng tới sự gắn kết, hài hòa giữa khu vực đô thị và nông thôn.

- Giai đoạn 2035- 2050: Phát triển bền vững về kinh tế xã hội và môi trường. Đảm bảo phát triển ổn định theo các nguyên tắc phát triển thân thiện với môi trường sinh thái.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Y tế, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông, Công ty Điện lực Hà Nam; Ban Quản lý các khu công nghiệp, Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ~~##~~

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
 - Các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 3 (9);
 - VPUB: LĐVP(3), GTXD, TN, TH;
 - Lưu VT, GTXD.
- DH. - DANQDANQH01.



Trương Minh Hiến